

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4280/TCT-CS

V/v giới thiệu nội dung mới
của Thông tư số 103/2014/TT-
BTC về thuế nhà thầu

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2014

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam. Tổng cục Thuế đề nghị các Cục thuế phô biến, thông báo cho cán bộ thuế và tuyên truyền tới người nộp thuế trên địa bàn quản lý các nội dung mới của Thông tư số 103/2014/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2014 để nghiêm chỉnh thực hiện. Một số nội dung sửa đổi, bổ sung mới của Thông tư số 103/2014/TT-BTC như sau:

1. Về thuế nhà thầu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện cung cấp, phân phối hàng hoá tại Việt Nam:

Với xu thế hội nhập quốc tế và tự do hóa thương mại hiện nay, thương nhân nước ngoài đang dần dần được cấp quyền phân phối hàng hoá tại Việt Nam (giữ quyền sở hữu và chịu rủi ro đối với hàng hóa vào trong Việt Nam) mà không nhất thiết phải có hiện diện thương mại tại Việt Nam. Vì vậy, để phù hợp với xu thế trên, Thông tư số 103/2014/TT-BTC bổ sung quy định thu thuế nhà thầu đối với hoạt động cung cấp, phân phối hàng hoá tại Việt Nam của các tổ chức, cá nhân nước ngoài. Cụ thể:

- Bổ sung tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện phân phối hàng hoá tại Việt Nam vào đối tượng áp dụng của Thông tư tại Điều 1.

- Bổ sung thu nhập từ hoạt động cung cấp, phân phối hàng hoá tại Việt Nam vào thu nhập chịu thuế TNDN của nhà thầu nước ngoài tại khoản 1 Điều 7.

- Bổ sung quy định về tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động phân phối, cung cấp hàng hoá, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị là 1% tại khoản 2 Điều 13.

Trước: chưa quy định trong Thông tư về thuế nhà thầu.

2. Về đối tượng áp dụng quy định tại Điều 1:

2.1. Bổ sung một số đối tượng áp dụng như sau:

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh phân phối hàng hoá, cung cấp dịch vụ tại Việt Nam, bao gồm cả trường hợp ủy quyền hoặc thuê một số tổ chức Việt Nam thực hiện một phần dịch vụ phân phối, dịch vụ khác liên quan đến việc bán hàng hoá tại Việt Nam.

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài thông qua tổ chức, cá nhân Việt Nam để thực hiện việc đàm phán, ký kết các hợp đồng đứng tên tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối tại thị trường Việt Nam, mua hàng hoá để xuất khẩu, bán hàng hoá cho thương nhân Việt Nam theo pháp luật về thương mại.

Trước: chưa quy định trong Thông tư về thuế nhà thầu.

2.2. Quy định rõ hơn về bản chất đối tượng áp dụng Thông tư đối với trường hợp cung cấp hàng hoá theo điều kiện giao hàng của các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms là: người bán chịu rủi ro liên quan đến hàng hóa vào trong lãnh thổ Việt Nam.

Trước: chỉ quy định trường hợp cung cấp hàng hoá theo điều kiện giao hàng DDP, DAT, DAP (Các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms) thì thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư.

3. Về đối tượng không áp dụng quy định tại Điều 2:

Bổ sung các trường hợp sau vào đối tượng không áp dụng Thông tư:

- Giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài hoặc cửa khẩu Việt Nam có kèm điều khoản bảo hành là trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán, ngoài ra không còn dịch vụ nào khác thực hiện tại Việt Nam.

Trước: Cung cấp hàng hoá kèm theo dịch vụ bảo hành tại Việt Nam thì phải nộp thuế nhà thầu.

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng kho ngoại quan, cảng nội địa (ICD) làm kho hàng hoá để phụ trợ cho hoạt động vận tải quốc tế, quá cảnh, chuyển khẩu, lưu trữ hàng hoặc để cho doanh nghiệp khác gia công.

Trước: không quy định.

4. Về thu nhập chịu thuế TNDN quy định tại Điều 7:

Bổ sung thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia hợp đồng kinh tế/dự án tại Việt Nam, chuyển nhượng quyền tài sản tại Việt Nam vào thu nhập chịu thuế TNDN của nhà thầu nước ngoài tại khoản 3 Điều 7.

Trước: không quy định.

5. Về cách tính thuế GTGT khi khai thuế theo phương pháp trực tiếp quy định tại Điều 12:

Sửa đổi quy định về cách tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp như sau:

Thuế GTGT được tính bằng (=) doanh thu tính thuế nhân (x) với tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu.

Khi Bên Việt Nam khâu trừ, nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài với cách tính thuế GTGT như trên thì sử dụng Tờ khai theo mẫu số 01/NTNN ban hành kèm

theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Trước: thuế GTGT được tính bằng (=) doanh thu tính thuế nhân (x) với tỷ lệ % GTGT tính trên doanh thu nhân (x) với thuế suất thuế GTGT.

6. Về tỷ lệ % để tính thuế GTGT, tỷ lệ % để tính thuế TNDN trên doanh thu tính thuế khi khai thuế theo phương pháp trực tiếp quy định tại Điều 12, Điều 13:

6.1. Quy định rõ hơn về tỷ lệ % để tính thuế GTGT, tỷ lệ % để tính thuế TNDN trên doanh thu đối với trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp trực tiếp như sau: Bên Việt Nam khai nộp thuế GTGT, thuế TNDN thay cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo tỷ lệ % để tính thuế GTGT, thuế TNDN trên doanh thu tương ứng với ngành kinh doanh mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đó thực hiện theo hợp đồng thầu, hợp đồng thầu phụ.

6.2. Về tỷ lệ % để tính thuế GTGT, tỷ lệ % để tính thuế TNDN trên doanh thu đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị đi kèm công trình xây dựng: Quy định rõ 2 trường hợp:

Nếu hợp đồng nhà thầu tách riêng được giá trị từng hoạt động kinh doanh thì Nhà thầu nước ngoài không phải nộp thuế GTGT trên giá trị nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu hoặc thuộc diện không chịu thuế GTGT; đối với từng phần giá trị công việc theo hợp đồng thì áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT, tỷ lệ % để tính thuế TNDN trên doanh thu tương ứng với hoạt động kinh doanh đó.

Nếu hợp đồng nhà thầu không tách riêng được giá trị từng hoạt động kinh doanh thì áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu là 3%, tỷ lệ % để tính thuế TNDN trên doanh thu là 2% trên toàn bộ giá trị hợp đồng.

Trước: hợp đồng nhà thầu tách riêng hay không tách riêng được giá trị từng hoạt động kinh doanh thì tỷ lệ % GTGT tính trên doanh thu tính thuế là 30%, tỷ lệ % để tính thuế TNDN trên doanh thu là 2% trên toàn bộ giá trị hợp đồng.

7. Về thuế GTGT đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu, khí đốt:

Tại khoản 5 Điều 1 Luật thuế GTGT sửa đổi, bổ sung quy định: "...các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khâu trừ do bên Việt Nam khâu trừ nộp thay".

Vì vậy, Thông tư số 103/2014/TT-BTC sửa đổi quy định về việc nộp thuế GTGT của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu, khí

đốt như sau:

7.1. Trường hợp Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp hàng hoá, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu, khí đốt thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì Bên Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ, nộp thay thuế GTGT trước khi thanh toán. Số thuế nộp thay tính bằng tổng số tiền thanh toán chưa bao gồm thuế GTGT nhân (x) với mức thuế suất thuế GTGT.

Trước: Bên Việt Nam nộp thay thuế GTGT theo tỷ lệ quy định (Số thuế nộp thay tính bằng tổng số tiền thanh toán chưa bao gồm thuế GTGT nhân (x) với tỷ lệ GTGT trên doanh thu tính thuế nhân (x) thuế suất thuế GTGT).

7.2. Trường hợp Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp hàng hoá, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu, khí đốt thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

a. Trong thời gian Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài chưa được cơ quan thuế cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế để khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nếu Bên Việt Nam thanh toán tiền cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thì Bên Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ nộp thay thuế GTGT trước khi thanh toán. Số thuế nộp thay tính bằng tổng số tiền thanh toán chưa bao gồm thuế GTGT nhân (x) với mức thuế suất thuế GTGT quy định đối với hàng hoá, dịch vụ do nhà thầu nước ngoài cung cấp.

Trước: Bên Việt Nam nộp thay thuế GTGT theo tỷ lệ quy định (Số thuế nộp thay tính bằng tổng số tiền thanh toán chưa bao gồm thuế GTGT nhân (x) với tỷ lệ GTGT trên doanh thu tính thuế nhân (x) thuế suất thuế GTGT).

b. Khi Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài được cơ quan thuế cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế thì Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài chuyển hóa đơn, chứng từ phát sinh trong kỳ khai thuế GTGT cho Bên Việt Nam để Bên Việt Nam khai khấu trừ, nộp thay thuế GTGT cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài.

Trước: Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài tự khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối với doanh thu phát sinh kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế.

8. Bổ sung quy định về cách xác định doanh thu tính thuế TNDN đối với tín phiếu kho bạc tại điểm b.12 khoản 1 Điều 13.

Trước: không quy định.

9. Thuế TNDN đối với khoản tiền bồi thường thu được từ bên đối tác vi phạm hợp đồng:

Bổ sung quy định chỉ thu thuế TNDN nếu khoản thu bồi thường lớn hơn giá trị thiệt hại, có thu nhập chịu thuế; nhà thầu nước ngoài được lựa chọn khai nộp

thuế TNDN theo tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế hoặc trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí với thuế suất là thuế suất phổ thông.

Trước: không quy định.

Trên đây là một số nội dung mới được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các Cục thuế kịp thời phản ánh về Tổng cục Thuế để được giải quyết kịp thời./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục (để b/c);
- Vụ CST, PC, TCDN - BTC
- Các Vụ, đơn vị thuộc TCT;
- Lưu: VT, CS (3).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG

THÔNG CỤC TRƯỞNG

Cao Anh Tuấn

